



ISSN:  
1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC GIÁO DỤC  
Tập 14, Số 7 (2017): 91-98

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

EDUCATION SCIENCE  
Vol. 14, No. 7 (2017): 91-98

## SỬ DỤNG MÔ HÌNH “ĐÔI BẠN HỌC TẬP” NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

*Võ Hồ Minh Trinh\**, *Trần Nguyễn Trí Dũng*

*Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

*Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-01-2017; ngày phân biên đánh giá: 03-7-2017; ngày chấp nhận đăng: 29-7-2017*

### TÓM TẮT

*Xu thế hội nhập quốc tế và khu vực hiện nay đặt ra yêu cầu về việc không ngừng nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh. Bài viết trình bày ý tưởng về việc sử dụng mô hình ‘đôi bạn học tập’ (learning pairs) ở bậc đại học nhằm giúp cung cấp một môi trường thuận lợi cho việc rèn luyện các kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên và công tác quản lý lớp học của giảng viên. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra một số vấn đề cần quan tâm khi học ngoại ngữ theo từng cặp sinh viên, và từ đó nêu lên cách thức triển khai mô hình ‘đôi bạn học tập’ để có thể đạt được hiệu quả tối đa.*

**Từ khóa:** dạy học tiếng Anh, đại học, đôi bạn học tập, hiệu quả, hội nhập.

### ABSTRACT

*The use of ‘learning pairs’ for improving the effectiveness of  
English language teaching and learning in the context of integration*

*The trend of international and regional integration has temporarily set high requirements on the activities of teaching and learning English. This article presents the use of ‘learning pairs’ at tertiary level so as to facilitate students’ practice of foreign language skills and teachers’ classroom management. Also included in the article are some problems concerning the implementation of pair learning in real-life situations and a few suggestions upon how to maximize its effectiveness.*

**Keywords:** English language teaching, tertiary, learning pairs, effectiveness, integration.

### 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, sự cạnh tranh và các yêu cầu liên quan đến nguồn nhân lực đang ngày càng cao và khắc nghiệt hơn. Việc yếu kém về mặt ngoại ngữ là một điểm trừ lớn trong con mắt nhà tuyển dụng; vì vậy, bên cạnh việc vững kiến thức chuyên ngành, người lao động còn phải có vốn ngoại ngữ nhất định.

Dựa vào việc nghiên cứu nhiều nguồn tài liệu khác nhau, các số liệu từ những nghiên cứu khác có liên quan, và dưới góc độ của những giảng viên đang trực tiếp công tác trong lĩnh vực chuyên môn này, chúng tôi tiến hành phân tích một số vấn đề còn tồn tại trong việc dạy học tiếng Anh ở môi trường đại học và những khó khăn cụ thể mà phần đông sinh viên thường phải đối mặt, đề rồi trên cơ sở đó,

\* Email: tuanh.tuem@yahoo.com.vn

đưa ra những mô tả chi tiết về mô hình ‘đôi bạn học tập’ thông qua giới thiệu khái niệm chung, nêu rõ ý nghĩa, cũng như đề xuất cách thức để triển khai hình thức tiếp cận này một cách tối ưu nhằm tạo không khí tích cực cho người học và môi trường hiệu quả cho người dạy.

## 2. Thực trạng dạy và học tiếng Anh ở môi trường đại học

Theo một khảo sát của Vụ Giáo dục Đại học, chỉ khoảng 49% sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng về kỹ năng sử dụng tiếng Anh; có đến 18,9% không đáp ứng được và 31,8% sinh viên cần được đào tạo thêm (Lê Vân, 2016). Những số liệu trên phản ánh một số bất cập nhất định trong việc dạy và học ngoại ngữ ở bậc đại học, khiến cho sinh viên chưa thực sự đạt được tiêu chuẩn cần thiết về năng lực tiếng Anh để có thể tự tin bước vào môi trường làm việc thực tế. Đối với sinh viên không chuyên ngữ, số tín chỉ quy định dành cho môn tiếng Anh là 15, tương đương thời lượng 225 tiết học cho toàn chương trình đào tạo, không đủ để giảng viên truyền đạt các kiến thức lý thuyết (ngữ pháp, từ vựng) và hướng dẫn cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết). Số lượng sinh viên trong mỗi lớp học phần thường dao động trong khoảng 40 đến 65, không phải là điều kiện lý tưởng cho việc tổ chức một lớp học ngoại ngữ và phần nào gây nhiều áp lực về phía người dạy. Sự chênh lệch về trình độ giữa các sinh viên trong cùng một lớp cũng gây nhiều trở ngại cho giảng viên khi triển khai các hoạt động thực hành, quán xuyến tình hình trong lớp (Thanh Hà,

2008), và có thể gây lãng phí thời gian cũng như sự nhàm chán khi các sinh viên có năng lực tốt phải học cùng chương trình với những sinh viên kém hơn.

Ngoài ra, sự khác biệt về chương trình học Anh ngữ ở bậc đại học cũng đòi hỏi rất nhiều nỗ lực tự học từ phía sinh viên để có thể phát triển toàn diện tất cả các kỹ năng phục vụ cho giao tiếp và nghiên cứu, thay vì chỉ chú trọng vào ngữ pháp và đọc-hiểu như ở cấp phổ thông. Không được rèn luyện nhiều về phát âm, người học rất dễ gặp khó khăn trong việc nắm bắt ý tưởng của người khác và truyền đạt thông tin của bản thân. Kỹ năng viết cũng không được quan tâm đúng mức, đặc biệt là với sĩ số lớp đông, việc sửa bài và quan sát sự tiến bộ của người học vô cùng căng thẳng. Phương pháp dạy ngoại ngữ bằng cách dịch sang tiếng Việt mà nhiều giáo viên trung học vẫn hay áp dụng khiến cho quá trình sử dụng ngôn ngữ của người học dần trở nên gượng ép và không hiệu quả, dẫn đến tâm lý e ngại cũng như thái độ thụ động của nhiều sinh viên khi nghe, nói, viết tiếng Anh trong những hoàn cảnh thực tế. Tất cả những điều này đã lý giải cho động lực học tập còn thấp của phần lớn sinh viên không chuyên ngữ: Do “tiếng Anh chỉ là môn điều kiện trong chương trình học đại học nên sinh viên vẫn học trong tình trạng đối phó” (Lê Vân, 2016) mà không thực sự đầu tư trau dồi nghiêm túc.

Những bất cập nêu trên cho thấy sự cần thiết phải có thêm những mô hình giải pháp đa dạng và hiệu quả hơn cho việc dạy và học tiếng Anh mà giảng viên có thể áp

dụng để giúp sinh viên của mình nâng cao năng lực ngoại ngữ. Một trong những giải pháp như thế được khai thác chi tiết trong bài viết này: Đó chính là hình thức tiếp cận mà chúng tôi gọi là ‘đôi bạn học tập’.

### 3. Mô hình ‘đôi bạn học tập’ trong dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học

Trong giảng dạy ngoại ngữ, hình thức làm việc theo nhóm nhỏ và theo cặp vẫn thường nhiều giáo viên áp dụng nhằm đa dạng hóa các hoạt động và tối ưu hóa khoảng thời gian trên lớp, thay vì chỉ sử dụng phương pháp thuyết giảng truyền thống với kiến thức được truyền đạt một chiều từ người dạy đến người học. Cũng đã có nhiều nghiên cứu về tác động của việc sử dụng các hoạt động theo cặp trong các lớp ngoại ngữ. Tuy nhiên, mô hình ‘đôi bạn học tập’ mà chúng tôi đề cập trong bài viết này có thể được áp dụng một cách hiệu quả không chỉ với các bài học trên lớp mà còn có thể được duy trì bên ngoài phạm vi lớp học. Bởi vì việc phát triển kỹ năng của một ngôn ngữ đòi hỏi quá trình học tập chủ động, lâu dài, và nghiêm túc, ‘đôi bạn học tập’ có thể được xem là một mô hình hiệu quả để sinh viên đại học nâng cao các kỹ năng tiếng Anh thông qua sự hỗ trợ lẫn

nhau vượt qua các vấn đề trong học tập. Hình thức tiếp cận này có thể được hiểu một cách đơn giản là ‘một sinh viên dạy cho một sinh viên khác’ và, theo từng cặp, người học làm việc cùng nhau theo một phương thức cụ thể. Bắt nguồn từ triết lý của Socrates và một phương pháp cổ xưa của Pater Gregor Girard khi dạy những học sinh nghèo ở Thụy Sĩ, việc xếp người học thành từng cặp đã ngày càng được phát triển và cải tiến với những quy luật đơn giản nhưng lại mang đến chất lượng học tập cao (Gromyko, 2009).

Về cơ bản, ‘đôi bạn học tập’ ở bậc đại học có thể được xem là một mô hình chung, và trên cơ sở sinh viên xếp thành từng cặp ngay từ đầu mỗi khóa học, giảng viên ngoại ngữ có thể tiến hành thiết kế những hoạt động thực hành tiếng ngay trên lớp hay hỗ trợ việc học tiếng Anh theo cặp thông qua các hình thức và phương tiện mở rộng khác. Việc xếp cặp cũng cho phép giảng viên quan sát có hiệu quả tiến độ làm hoạt động của lớp trên cả bốn kỹ năng quan trọng của tiếng Anh, với mức độ tác động thay đổi theo từng kỹ năng cụ thể được thể hiện ở hình bên dưới.

#### Nhóm kỹ năng tiếp thu (Nghe và Đọc)

Trước khi nghe/ đọc	Trong khi nghe/ đọc	Sau khi nghe/ đọc	Hoạt động mở rộng
---------------------	---------------------	-------------------	-------------------

#### Kỹ năng Nói

Trước khi nói	Trong khi nói	Sau khi nói	Hoạt động mở rộng
---------------	---------------	-------------	-------------------

#### Kỹ năng Viết

Trước khi viết	Trong khi viết	Sau khi viết	Hoạt động mở rộng
----------------	----------------	--------------	-------------------

*Hình. Minh họa tác động của mô hình ‘đôi bạn học tập’ lên quy trình giảng dạy các kỹ năng tiếng Anh (tác động của mô hình nằm ở những khu vực tô đậm)*

Theo đó, tác động của ‘đôi bạn học tập’ thể hiện rõ ràng và mạnh mẽ nhất ở nhóm kĩ năng diễn đạt (gồm Nói và Viết), so với nhóm kĩ năng tiếp thu (Nghe và Đọc). Đối với những tiết học Nghe và Đọc, cách tiếp cận này có thể được người dạy nhấn mạnh ở các hoạt động dẫn nhập và sau khi hết phần chính của bài học. Nổi bật nhất trong việc sử dụng mô hình này để dạy các kĩ năng Nói – Viết nằm ở những hoạt động mở rộng ra khỏi phạm vi không gian của một lớp ngoại ngữ. Sinh viên có thể tiếp tục quá trình rèn luyện các kĩ năng cùng với người bạn của mình (tạm gọi là đối tác học tập – learning partner) sau giờ học chính khóa, dưới sự hỗ trợ thường xuyên của người giảng viên hướng dẫn.

#### **4. Ý nghĩa của mô hình giải pháp ‘đôi bạn học tập’**

Không cần tốn nhiều chi phí, việc cho sinh viên học tập ngoại ngữ theo từng cặp mang đến nhiều giá trị cao về mặt sư phạm. Với mô hình này, mỗi sinh viên trong lớp đều có một vai trò riêng khi hợp tác cùng nhau để giải quyết một nhiệm vụ học tập do người dạy nêu ra. Người học sẽ phải tự theo sát tiến độ làm việc của nhau, kịp thời nhắc nhở nhau hoàn thành nhiệm vụ, và từ đó, rèn luyện được ý thức trách nhiệm và tính kỉ luật của mình. Về phương diện tâm lí, sinh viên cảm thấy ít áp lực hơn khi chia sẻ ý kiến hoặc sửa lỗi sai cho nhau, so với khi làm việc với giảng viên. Sự thoải mái đó cũng chính là một động lực quan trọng giúp sinh viên trở nên tự tin hơn và khắc phục được tâm lí e ngại và sợ mắc lỗi sai mỗi khi sử dụng ngoại ngữ. Về khía cạnh văn hóa, mô hình ‘đôi bạn học

tập’ phù hợp với tính chất tập thể của nền văn hóa Á Đông. Không quá nhấn mạnh yếu tố cá nhân như văn hóa phương Tây, hình thức học theo cặp cho phép người học giữ được tình bạn và tinh thần hợp tác, dù vẫn không triệt tiêu yếu tố cạnh tranh lành mạnh (Baleghizadeh & Farhesh, 2014). Ngoài ra, sinh viên còn được tự do quản lí khung giờ, nơi học tập, tốc độ làm việc...; vì thế, khoảng thời gian và nguồn tài nguyên cho việc học gần như được tận dụng tối đa một khi họ đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể về cách tiến hành các hoạt động. Việc học ngoại ngữ gắn liền với mục tiêu của đa số người học mong muốn có thể giao tiếp hiệu quả trong những hoàn cảnh thực tế trong cuộc sống; vì lẽ đó, cần thiết phải có được một môi trường mang đậm tính tương tác giữa người học với người học, và với ‘đôi bạn học tập’, giảng viên hoàn toàn có thể xây dựng một tiết học tiếng Anh theo cách như vậy. Đối với sinh viên chuyên ngữ, việc học với bạn giúp họ có môi trường ổn định để thực hành tiếng Anh. Đối với sinh viên không chuyên ngữ, đối tượng đáp ứng chuẩn đầu ra bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương, ‘đôi bạn học tập’ là cách hiệu quả nhất để phát triển khả năng trình bày và phân biện vấn đề, một kĩ năng mà hầu hết các bài thi đều đòi hỏi.

Đối với các giảng viên, việc áp dụng hình thức tiếp cận này cho phép tạo ra nhiều thay đổi tích cực so với các phương pháp dạy học ngoại ngữ truyền thống, nhất là với đặc trưng lớp học đông như ở Việt Nam. Điều tuyệt vời và thiết thực nhất

chính là mô hình này có thể giúp giảm nhẹ khối lượng công việc của người giảng viên, chẳng hạn như khi dạy kỹ năng nói thì ‘người dạy chỉ cần giám sát việc thảo luận của phân nửa số thành viên của lớp’, đồng thời cũng giúp giảng viên quan sát lớp kỹ hơn, nhanh chóng sửa chữa những sai sót và đảm bảo sinh viên luôn tập trung vào nhiệm vụ học tập (Brown, 2015). Áp lực từ việc đánh giá và cho điểm cho bài viết của sinh viên cũng được giảm một cách đáng kể và sinh viên cũng học được nhiều hơn thông qua việc nhận xét lẫn nhau, dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên để đảm bảo việc học tập luôn hướng về mục tiêu đầu ra chung.

Bên cạnh đó, những tác động của ‘đôi bạn học tập’ trong việc nâng cao năng lực và các kỹ năng cần thiết của sinh viên không chỉ mang đến những giá trị thiết thực cho người dạy và học trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ. Ở phạm vi rộng hơn và ý nghĩa lâu dài hơn, việc áp dụng hình thức tiếp cận này giúp sinh viên có được thái độ tốt hơn trong cách tương tác với mọi người xung quanh và giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn phát sinh khi giao tiếp. Đây cũng chính là điều mà các nhà tuyển dụng mong muốn đội ngũ nhân viên của họ có được trong suốt quá trình làm việc (Gromyko, 2009). Như vậy, ngay cả các cơ quan làm việc, doanh nghiệp và xã hội cũng nhận được những lợi ích đáng kể khi nguồn nhân lực trong tương lai không chỉ vững vàng về chuyên môn, năng lực sử dụng ngoại ngữ, mà còn được rèn luyện thái độ và tinh thần làm việc hợp tác tích

cực ngay từ môi trường đại học thông qua mô hình ‘đôi bạn học tập’.

### **5. Cách thức triển khai mô hình ‘đôi bạn học tập’**

Để tối đa hóa hiệu quả của việc thực hiện mô hình ‘đôi bạn học tập’, cần thiết phải có những cách thức cụ thể để giảng viên và sinh viên có thể dễ dàng hơn trong định hướng dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học, đặc biệt là với đối tượng không chuyên ngữ.

Bước đầu tiên để thiết lập một lớp học ngoại ngữ dựa vào cách tiếp cận này chính là xây dựng các cặp sinh viên làm việc cùng nhau trong suốt một khóa học nhất định, và có thể kéo dài hơn nữa. Vì tính chất đặc trưng của mô hình này, ‘đôi bạn học tập’ được áp dụng lí tưởng nhất là cho các lớp có sĩ số chẵn, trình độ từ sơ cấp đến trung cấp, và tỉ lệ số lượng nam sinh – nữ sinh trong một lớp là tương đương nhau. Để thuận lợi cho việc học một cách tập trung và hạn chế sự xao lãng, sinh viên ở mỗi cặp nên cùng giới tính và có những nét tương đồng nhất định về mục tiêu, động cơ, phương pháp, tác phong học tập... Riêng về trình độ trong từng cặp người học, giảng viên tốt nhất nên đảm bảo rằng sinh viên hình thành các cặp theo kiểu: kém – trung bình; trung bình – trung bình; trung bình – khá giỏi (Brown, 2015). Cách sắp xếp như thế tạo điều kiện để sinh viên thực sự có thể học tập lẫn nhau để cùng tiến bộ, tránh cảm giác nhàm chán và thất vọng (nếu trình độ trong mỗi cặp chênh lệch quá nhiều). Ngay từ đầu khóa học, giảng viên cần chú ý làm rõ cách thức hoạt động vì mục tiêu học tập dài lâu, và

cung cấp cho sinh viên định hướng tốt nhất để từ đó, người học sẽ chủ động tìm đối tác học tập của mình.

Sau khi thành viên ở các cặp đã ổn định, giảng viên có thể bắt đầu tiến hành nhiều hoạt động hoặc mở rộng các nhiệm

vụ học tập trong cũng như ngoài lớp học. Bảng sau đây nêu ra một số gợi ý các hoạt động cụ thể mà giảng viên ngoại ngữ có thể sử dụng trong các tiết học thực hành bốn kỹ năng tiếng Anh cho đối tượng sinh viên không chuyên ngữ.

**Bảng.** Một số hoạt động dạy học bốn kỹ năng tiếng Anh trên cơ sở áp dụng mô hình 'đôi bạn học tập' cho sinh viên không chuyên ngữ

Kĩ năng	Hoạt động gợi ý				
	Trong lớp	Mở rộng			
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Mô tả tranh</li> <li>▪ Dự đoán (câu trả lời / từ loại / từ còn thiếu...)</li> <li>▪ Phỏng vấn</li> <li>▪ Phân tích chủ đề</li> <li>▪ Đoán nội dung chính dựa vào tiêu đề</li> </ul>	+ Giới thiệu, cung cấp thêm nguồn tài liệu tham khảo (sách bài tập, trang web, v.v.) để mỗi cặp sinh viên tự rèn luyện			
	Đọc		<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhận diện 'bẫy' trong bài tập</li> <li>▪ Tìm dẫn chứng cho đáp án</li> <li>▪ Tóm tắt nội dung chủ đề sau khi đọc</li> <li>▪ Thảo luận về nội dung chủ đề</li> <li>▪ Phỏng vấn (sinh viên thay phiên nhau thực hiện vai trò người hỏi và người trả lời)</li> </ul>		
			Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đóng vai</li> <li>▪ Thảo luận</li> <li>▪ Tranh luận</li> <li>▪ Thuyết trình (có chuẩn bị)</li> <li>▪ Sửa lỗi phát âm (có sự giám sát của giảng viên để đảm bảo sự chính xác)</li> </ul>	+ Thực hành thảo luận, tranh luận (chủ đề tự do hoặc theo sự gợi ý của người dạy)
				Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phân tích đề bài</li> <li>▪ Trao đổi, tìm ý</li> <li>▪ Lập dàn ý</li> <li>▪ Viết luận phiên (mức độ từ dễ đến khó: câu → đoạn → bài)</li> </ul>

Như vậy, với một thay đổi nhỏ trong cách thiết lập lớp học thành nhiều cặp sinh viên, việc dạy và học các kĩ năng tiếng Anh trở nên nhẹ nhàng hơn cho giảng viên, và giúp sinh viên tập trung hơn cho các hoạt động. Phản hồi dành cho bài làm của sinh viên (đối với các kĩ năng diễn đạt) cũng đa chiều và giúp người học có nhiều động lực trong việc học thông qua các nhiệm vụ mở rộng. Tuy nhiên, chắc chắn không thể tránh khỏi một số vấn đề thực tế sau đây mà người đứng lớp cần lưu ý:

- Sinh viên không thể nhận ra hoặc không thể sửa giúp bạn một số lỗi viết thuộc về văn phong hoặc văn hóa;
- Sinh viên cảm thấy không tự nhiên khi thực hành nói với nhau về các chủ đề mang tính cá nhân vì họ đã quá thân quen với nhau;
- Sinh viên có khuynh hướng chọn đối tác là các bạn giỏi, vì vậy những sinh viên kém hơn sẽ ít có cơ hội tìm được đối tác học tập tốt;
- Sinh viên dành thời gian cho các hoạt động khác hơn là thảo luận và học tập;
- Sinh viên có thể nhàm chán khi phải làm việc với một bạn trong thời gian dài.

Những vấn đề trên có thể phát sinh trong suốt quá trình triển khai mô hình ‘đôi bạn học tập’, đòi hỏi giảng viên ngoại ngữ phải luôn nhiệt tình trong công tác giảng dạy để có thể hướng dẫn cho người học cách chọn đối tác học tập phù hợp, cũng như luôn sẵn sàng giúp đỡ các cặp sinh viên khi họ gặp phải những khó khăn về mặt kiến thức hay tâm lí trong quá trình hợp tác. Nhằm tối đa hóa hiệu quả của mô hình ‘đôi bạn học tập’, nhất là ở các hoạt

động mở rộng, chúng tôi quan tâm nhiều đến việc thiết lập những kênh phản hồi trực tuyến như một phương tiện hỗ trợ để liên tục kết nối người dạy với từng cặp người học cả khi ở ngoài không gian lớp học. Thông qua sử dụng thư điện tử hoặc tạo lập các nhóm riêng tư trên mạng xã hội, các cặp sinh viên có thể thuận tiện cập nhật tình hình học tập của mình và dễ dàng trình bày những trở ngại để giảng viên có tác động sự phạm kịp thời. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế mới của thế kỉ XXI trong giảng dạy ngoại ngữ khi phối hợp các môi trường dạy học chính thống và trực tuyến với nhau.

## 6. Kết luận

Trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, để đáp ứng nhu cầu về năng lực lao động, giới trẻ phải có khả năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc để giao tiếp hiệu quả, để đọc hiểu văn bản và để tham khảo tài liệu viết bằng tiếng Anh nhằm trau dồi chuyên môn. Do vậy, nhu cầu học tiếng Anh là nhu cầu bức thiết trong lực lượng lao động trí thức trẻ, đặc biệt là ở các thành phố lớn. Tuy nhiên, việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều bất cập về phương pháp, về đội ngũ giảng dạy, về phương tiện hỗ trợ và về môi trường thực hành ngôn ngữ cho người học. Từ lâu, việc thực hành các kĩ năng tiếng Anh trong các lớp học đã được quan tâm nhiều nhưng hiệu quả đạt được không cao do không đủ thời lượng để thực hiện hoặc do lớp học quá đông. Việc ứng dụng mô hình ‘đôi bạn học tập’ có thể giúp giải quyết những vấn đề này thông qua việc hình thành một môi trường thực hành

tiếng cho sinh viên, tạo điều kiện cho họ học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau không chỉ trong không gian lớp học mà còn trong những giờ tự học. Với hình thức tiếp cận này, khối lượng công việc của người dạy học được giảm tải, và những nhà tuyển dụng hay các doanh nghiệp cũng sẽ có thể có được đội ngũ nhân viên với năng lực tiếng Anh tốt cùng các kỹ năng giao tiếp,

hợp tác hiệu quả. Mặc dù sinh viên có thể gặp một số vấn đề khi thực hiện mô hình ‘đôi bạn học tập’ nhưng trong bối cảnh hội nhập hiện nay, đây có thể được xem là một giải pháp thiết thực để giúp sinh viên và giảng viên đạt kết quả tốt hơn trong hoạt động giáo dục nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baleghizadeh, S., & Farhesh, S. (2014). The Impact of Pair Work on EFL Learners' Motivation. *MEXTESOL Journal*, 38(3), 1-11.
- Brown, A. (2015). Maximizing student engagement with collaborative pairs. Retrieved November 30, 2016, from <http://www.learningfocused.com/maximizing-student-engagement-with-collaborative-pairs/>
- Gromyko, G. (2009). Pair Learning: Benefits to People. Retrieved November 30, 2016, from <http://www.paarschool.com/en/en-Pair%20Learning%20Benefits%20to%20People.php>
- Lê Vân. (07/5/2016). Quá nửa sinh viên tốt nghiệp kém tiếng Anh. *Báo Tin tức – Thông tấn xã Việt Nam*. Truy cập ngày 07/7/2017 tại địa chỉ: <http://baotintuc.vn/giao-duc/qua-nua-sinh-vien-tot-nghiep-kem-tieng-anh-20160506225914927.htm>
- Trường Đại học Duy Tân. (2015). Thách thức đối với giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) sau 2015. Truy cập ngày 5/11/2015 tại địa chỉ: <http://kmacle.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/106/899/thach-thuc-doi-voi-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-trong-tien-trinh-hoi-nhap-cong-dong-kinh-te-asean-aec-sau-2015>
- Thanh Hà. (2008, December 08). Vì sao sinh viên ra trường không nói được tiếng Anh? *Tuổi Trẻ Online*. Truy cập ngày 30/11/2016 tại địa chỉ: <http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20081208/vi-sao-sinh-vien-ra-truong-khong-noi-duoc-tieng-anh/291136.html>
- Vinh Nguyen. (2014, February 25). Cộng đồng ASEAN – Thách thức cho ngành giáo dục Việt Nam. Truy cập ngày 26/11/2016 tại địa chỉ: <http://www.viendong.edu.vn/d1731-cong-dong-asean-thach-thuc-cho-nganh-giao-duc-viet-nam.html>